TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B Đ** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2020/HSST
Ngày: 23/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Bà: Lâm Thị Chức
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Điểu Thị Hương
Bà Đỗ Thị Như
Thư ký phiên tòa: Bà: Nông Thúy Hằng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Lâm– Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2020/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/HS- QĐXXST ngày 13 tháng 7 năm 2020; Đối với các bị cáo:

1. Họ và Tên: Phạm Ngọc L, sinh năm: 1995; Tên gọi khác: L T; HKTT: Ấp Th Tr, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; Con ông Phạm Văn T1, sinh năm: 1972 và bà Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm: 1977; bị cáo có 01 em sinh năm 2003; Tiền án: Ngày 10/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 10 tháng tù về tội 'Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/8/2019.

Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 03/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Văn S, sinh năm: 1995; tên gọi khác: Hồ Ph; HKTT: Ấp Th Th, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Phạm Văn H và bà Đào Thị B; Bị cáo có vợ: Lương Thị Thúy H, sinh năm: 1993; Có 01 người con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/02/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn S1, sinh năm: 1986; tên gọi khác: Cu C; HKTT: Ấp Th Th, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Trần Văn Th, sinh năm: 1933(đã chết) và bà Tống Thị T2, sinh năm: 1947; Bị cáo có vợ tên: Nguyễn Thị Kim Ch1, sinh năm: 1996; Có 01 người con sinh năm 2013. Tiền án: Ngày 10/8/2018, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội 'Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/9/2019.

Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 02/12/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 03 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", tổng hợp hình phạt là 21 tháng tù, bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Võ Thành Tr, sinh năm: 1993; tên gọi khác: Tr Minh T3; HKTT:Ấp T Tr, xã Ph Th, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Võ Văn T4, sinh năm: 1963 và bà Bùi Thị Th, sinh năm: 1964; Bị cáo có vợ tên: Nguyễn Ngọc T5, sinh năm: 1995; Có 01 người con sinh năm 2016. Tiền án: Ngày 06/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo về tội 'Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", bị can đã chấp hành xong hình phạt ngày 06/6/2018. Tuy nhiên đến ngày 18/3/2020 bị cáo mới chấp hành xong hình phạt bổ sung.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/02/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Trần Hữu Đ, sinh năm: 1986;
HKTT: Ấp Th S, thị trấn Th B, B Đ, Bình Phước – vắng mặt;
2. Ông Trương Văn T6, sinh năm: 1989;
HKTT: ấp 3, xã Th H1, BĐ, Bình Phước – có mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Nguyễn Minh H1, sinh năm: 1987;
HKTT: Ấp Th Th, thị trấn Th B, B Đ, Bình Phước – có mặt
Bà Bùi Thị Thủy, sinh năm: 1964
Địa chỉ:Ấp T Tr, xã Ph Th, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – (có mặt);
Chị Lương Thị Thúy H, sinh năm: 1993;
Địa chỉ: Ấp Th Th, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – (có mặt).
Người làm chứng:
1. Phan Tuấn Th1, sinh năm: 1997;
HKTT: Ấp 9, xã Th H1, B Đ, Bình Phước - có mặt.
2. Phan Thanh Ph, sinh năm: 1971;
HKTT: ấp 9, xã Th H1, Bù Đốp, Bình Phước – vắng mặt.
3. Nguyễn Thị Dương L, sinh năm: 1998;
HKTT: Ấp Th Th, thị trấn Th B, Bù Đốp, Bình Phước – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Vụ án trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có xảy ra ngày 08/02/2020 tại Ấp Th Tr, thị trấn Th B, huyện B Đ do Phạm Ngọc L, Phạm Văn S và Võ Thành Tr thực hiện

Khoảng 18 giờ ngày 08/02/2020, Phạm Ngọc L đi bộ qua khu vực đồng ruộng thuộc Ấp Th Tr, thị trấn Th B, huyện B Đ thì phát hiện thấy xe mô tô biển số 93G1-095.70 của anh Trần Hữu Đ dựng ở bờ mương thủy lợi, lúc này anh Đ đang đi chích cá cách chỗ để xe mô tô khoảng 50m và không để ý. Vì vậy L lén lút đi đến dùng tay rút dây điện, nổ máy và điều khiển xe mô tô 93G1-095.70 chạy đến nhà nghỉ Th M thuộc ấp Th T, thị trấn Th B, huyện B Đ tìm Trần Văn S1 để nhờ bán xe, trên đường đi L dùng 01 kìm (có sẵn trên xe) tháo biển số xe mô tô 93G1- 095.70 vứt đi. Khi gặp Trần Văn S1, L nói xe mô tô vừa lấy trộm được nhờ đem đi bán. Sau đó L điều khiển xe mô tô trên chở Trần Văn S1 đến khu vực công viên Cần Đơn thuộc Ấp Th Th, thị trấn Th B, huyện B Đ. S điện thoại cho Phạm Văn S để nhờ nhắn tin cho Võ Thành Tr vào công viên C Đ nói có xe cần bán. Khi tới công viên, S và L ngồi đợi một lúc thì Võ Thành Tr điều khiển xe mô tô 93G1-176.98 chở Phạm Văn S đến. Sau khi xem xe, Tr trả giá 5.500.000 đồng nhưng qua thỏa thuận Tr và Phạm Văn S đồng ý mua xe với giá 5.800.000 đồng. Sau đó, Phạm Văn S điều khiển xe mô tô 93G1-095.70 chạy qua Campuchia bán cho một người đàn ông tên T7 (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 6.300.000 đồng. Số tiền này Tr và Phạm Văn S trả cho Trần Văn S1 và L 5.800.000 đồng; L cho Trần Văn S1 2.000.000 đồng; Còn lại số tiền 500.000 đồng Tr và Phạm Văn S dùng để chơi bắn cá. Ngày 08/2/2020, anh Trần Hữu Đ đến cơ quan công an huyện B Đ trình báo sự việc bị trộm cắp tài sản.

Căn cứ kết quả xác minh, điều tra, ngày 14/02/2020, CQCSĐT Công an huyện B Đ quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Ngọc L về tội trộm cắp tài sản theo Điều 173 Bộ luật hình sự; Phạm Văn S, Võ Thành Tr, Trần Văn S1 về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/2020/BKL-ĐGTS ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B Đ xác định xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave 110cc, màu đỏ đen, biển số 93G1- 095.70, chất lượng sử dụng 40% là 7.600.000 đồng.

2. Vụ án trộm cắp tài sản xảy ra ngày 09/02/2020 tại ấp 3, xã Thanh Hòa, huyện B Đ do Phạm Văn S thực hiện.

Khoảng 13 giờ ngày 09/02/2020, Võ Thành Tr điều khiển xe mô tô 93G1-176.98 rủ Phạm Văn S đi trộm cắp tài sản. Tr điều khiển xe mô tô chở Phạm Văn S chạy đến khu vực lô cao su của Trung đoàn 717 thuộc ấp 3, xã Th H1, huyện B Đ thì phát hiện xe mô tô 93G1-145.85 của anh Trương Văn T6 đang để ở lô cao su không có người trông coi. Lúc này, Tr dừng xe đứng bên ngoài cảnh giới, S đi đến chỗ để xe mô tô dùng tay giật dây khóa điện của xe, nổ máy và điều khiển xe mô tô đi cùng Tr chạy qua Campuchia bán cho một người đàn ông tên T7 (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 8.000.000 đồng, Tr và S chia nhau mỗi người 4.000.000 đồng. Ngày 09/2/2020, anh Trương Văn T6 đến cơ quan công an huyện B Đ trình báo sự việc bị trộm cắp tài sản

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 21/2020/BKL-ĐGTS ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B Đ xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave 110c, màu đỏ đen bạc, biển số 93G1-145.85, chất lượng sử dụng 50% là 10.000.000 đồng.

Cáo trạng số: 37/Ctr-VKS ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố các bị cáo Phạm Văn S, Phạm Ngọc L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, các bị cáo Phạm Văn S, Trần Văn S1, Võ Thành Tr về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về tội danh và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc L phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn S1 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Võ Thành Tr phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58, của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại: Ông Trần Hữu Đ vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị Thủy (mẹ ruột của bị cáo Võ Thành Tr) đã bồi thường cho bị hại ông Đ số tiền 20.000.000 đồng, ông Đ không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trương Văn T6 yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông 15.000.000 đồng, bà Lương Thị Thúy H đã bồi thường cho ông T6 thay cho bị cáo Phạm Văn S 3.000.000 đồng, ông T6 yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho ông 12.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị Thủy không yêu cầu bị cáo Tr phải trả lại cho bà số tiền 20.000.000 đồng mà bà Th bồi thường cho ông Đ và bà Th không có ý kiến gì thêm.

Chị Lương Thị Thúy H không yêu cầu bị cáo S trả lại cho chị số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) màchị H đã bồi thường cho ông T6 thay cho bị cáo Phạm Văn S, không có ý kiến gì thêm.

Các bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xuất phát từ mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng, lười lao động là các đối tượng nghiệm ma túy, Khoảng 18 giờ ngày 08/02/2020, lợi dụng sử sơ hở của chủ sở hữu về quản lý tài sản bị cáo Phạm Ngọc L có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển kiểm sát 93G1-095.70 của ông Trần Hữu Đ đang dựng ở bờ mương thủy lợi khi ông Đ đang chích cá gần đó. Sau đó bị cáo L điều khiển xe mô tô 93G1-095.70 chạy đến nhà nghỉ Th M thuộc ấp Th T, thị trấn Th B, huyện B Đ tìm Trần Văn S1 để nhờ bán xe. Các bị cáo Phạm Văn S, Trần Văn S1, Võ Thành Tr biết xe mô tô trên là do Phạm Ngọc L trộm cắp mà có nhưng Võ Thành Tr và Phạm Văn S vẫn đồng ý mua lại xe trên cho L với giá 5.800.000 đồng. Sau đó Phạm Văn S điều khiển xe trên qua campuchia bán cho một người đàn ông tên T7 (không rõ nhân thân lai lịch) được 6.300.000 đồng. Số tiền này Tr trả cho L 5.800.000 đồng. L cho Trần Văn S1 2.000.000 đồng còn lại 500.000 đồng Tr và Phạm Văn S dùng để chơi bắn cá.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/2020/BKL-ĐGTS ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B Đ xác định xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave 110cc, màu đỏ đen, biển số 93G1- 095.70, chất lượng sử dụng 40% giá trị còn lại là 7.600.000 đồng (bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngày 09/02/2020 vào khoảng 13 giờ, bị cáo Phạm Văn S lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu về quản lý tài sản lại tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô biển số 93G1-145.85 của anh Trương Văn T6 ở khu vực Trung đoàn 717 thuộc ấp 3, xã Th H1, huyện B Đ.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 21/2020/BKL-ĐGTS ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B Đ xác định xe

mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave 110c, màu đỏ đen bạc, biển số 93G1-145.85, chất lượng sử dụng 50% giá trị còn lại là 10.000.000 đồng

Hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác của các bị cáo Phạm Ngọc L, Phạm Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" . Hành vi của các bị cáo Phạm Văn S, Trần Văn S1, Võ Thành Tr đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố các bị cáo là đúng hành vi đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi: Hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý bất ổn trong nhân dân tại địa bàn nơi xảy ra vụ án.

Các bị cáo là người thành niên ý thức rõ được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân một cách nhanh chóng mà các bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm, điều này thể hiện rõ thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo rất là cao. Vì vậy, cần xử phạt mức án thật nghiêm tương ứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, trong đó bị cáo Phạm Ngọc L thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản", Phạm Văn S thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" đồng thời cùng bị cáo Trần Văn S1, Võ Thành Tr thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do L thực hiện hành vi trộm cắp được mà có. Các bị cáo Phạm Văn S, Trần Văn S1, Võ Thành Tr giữ vai trò giúp sức tích cực cho L thực hiện hành vi phạm tội được trót lọt. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Phạm Ngọc L

Ngày 10/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 10 tháng tù về tội 'Trộm cắp tài sản", bị can đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/8/2019.

Bị cáo L chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Văn S1 ngày 10/8/2018, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội 'Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/9/2019.

Bị cáo Trần Văn S1 chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo S phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Võ Thành Tr có 01 tiền án: Ngày 06/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo về tội 'Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 06/6/2018. Tuy nhiên đến ngày 18/3/2020 bị cáo mới chấp hành xong hình phạt bổ sung.

Bị cáo Võ Thành Tr chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo Tr phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Văn S không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; Các bị cáo Phạm Ngọc L, Trần Văn S1, Phạm Văn S, Võ Thành Tr thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Võ Thành Tr, Phạm Văn S được hưởng tình tiết người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả, có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính và duy nhất trong gia đình quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 và BLHS.

[6] Xét nhân thân bị cáo:

Bị cáo L có nhân thân xấu cụ thể:, Ngày 03/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B Đ xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo không xem là bài học kinh nghiệm tu dưỡng bản thân thành người có ích cho xã hội lại tiếp tục phạm tội. Điều này thể hiện rõ ý thức tuân thủ pháp luật không tốt của bị cáo, mức hình phạt trước đây chưa đủ sức răn đe bị cáo nên cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm.

Đối với bị cáo Trần Văn S1: Ngày 02/12/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 03 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", tổng hợp hình phạt là 21 tháng tù, bị cáo đã chấp hành xong. Bị cáo không xem đó là bài học kinh nghiệm để tu dưỡng bản thân thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội. HĐXX cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Hữu Đ đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì. HĐXX không xét.

Bị hại Trương Văn T6, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông T6 yêu cầu bị cáo Phạm Văn S bồi thường 15.000.000 đồng. Gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả được 3.000.000 đồng còn lại 12.000.000 đồng tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường tiếp cho ông T6. Xét sự thỏa thuận giữa ông T6 và bị cáo Phạm Văn S là hoàn toàn tự nguyện không trái đại đức xã hội. HĐXX ghi nhận.

Bà Bùi Thị Th là mẹ ruột của bị cáo Võ Thành Tr. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th đã bỏ ra số tiền 20.000.000 đồng khắc phục hậu quả cho bị hại Trần Hữu Đ thay cho bị cáo Võ Thành Tr. Tại phiên tòa bà Th không yêu cầu bị cáo Tr trả lại bà số tiền này. Hội đồng xét xử không xét.

Chị Lương Thị Thúy H trong quá trình giải quyết vụ án đã bồi thường cho bị hại Tùng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) thay cho bị cáo Phạm Văn S, tại phiên tòa chị H không yêu cầu bị cáo Phạm Văn S phải trả lại cho chị số tiền trên. Hội đồng xét xử không xét.

Đối với Võ Thành Tr không thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản cùng Phạm Văn S. Ngoài lời khai của Phạm Văn S không có chứng cứ, tài liệu

nào khác để xử lý hình sự đối với Tr. Vì vậy CQCSĐT tách ra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xét.

Đối với người đàn ông tên T7, là người đã mua xe mô tô của bị cáo Tr và S, do không xác định được nhân thân, lai lịch nên CQCSĐT không đề cập xử lý là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xét.

[8] Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Về vật chứng:

+ Qúa trình điều tra xác định chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu đỏ đen bạc là tài sản hợp pháp của bị cáo Phạm Ngọc L, không sử dụng vào việc phạm tội vì vậy đề nghị trả lại cho bị cáo L.

+ 01 con dao, cán bằng gỗ, dài 18cm, đầu nhọn, 01 đầu lục giác, màu bạc; 01 đầu nối dây điện của xe mô tô không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave 110cc, màu đỏ đen, biển số 93G1-095.70 là tài sản hợp pháp của ông Trần Hữu Đ, Cơ quan điều tra không thu hồi được. Trong quá trình điều tra, bà Bùi Thị Th (mẹ ruột bị cáo Tr) đã bồi thường cho bị hại ông Đ số tiền 20.000.000 đồng, ông Đ không yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử không xét.

+ Xe mô tô 93G1-145.85 là tài sản hợp pháp của anh Trương Văn T6, Cơ quan điều tra không thu hồi được, Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T6 yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 12.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Cơ quan điều tra xác định xe mô tô 93G1-176.98 là tài sản hợp pháp của ông Phan Thanh Ph, con trai ông Ph là Phan Tuấn Th1 đã bán xe cho Võ Thành Tr, được Tr sử dụng làm phương tiện phạm tội, vì vậy đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước là có cơ sở chấp nhận.

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc L; tên gọi khác: Linh T, Phạm Văn S; tên gọi khác: Hồ Ph phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn S; tên gọi khác: Hồ Ph, Võ Thành Tr; tên gọi khác: Tr Minh T3, Trần Văn S1; Tên gọi khác: Cu C phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Ngọc L 15(mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 14/02/2020.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173, Điều 323 điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Phạm Văn S 07 (bảy) tháng về tội "Trộm cắp tài sản" và 07 (bảy) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 14/02/2020.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Võ Thành Tr 12 (mười hai) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 21/02/2020.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Văn S1 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn S có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trương Văn T6 12.000.000 đồng(mười hai triệu đồng).

[3] Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS 2015

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dao, cán bằng gỗ, dài 18cm, đầu nhọn, 01 đầu lục giác, màu bạc; 01 đầu nối dây điện của xe mô tô không còn giá trị sử dụng.

Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước xe mô tô hiệu YAMAHA, loại sirius, màu đỏ đen biển số 93G1-176.98; số máy E3X9E 307566; Số khung: 3210HY 131163;

-01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 008539.

Tuyên trả cho bị cáo Phạm Ngọc L 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đỏ.

[3] Án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Phạm Ngọc L, Phạm Văn S, Trần Văn S1, Võ Thành Tr mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí DSST: Bị cáo Phạm Văn S phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Công an huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lâm Thị Chức